

Phụ lục 6.1. DANH MỤC THIẾT BỊ VĂN PHÒNG, DỤNG CỤ HỖ TRỢ ĐIỀU TRỊ

(Kèm theo Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của UBND tỉnh) □

STT	Sản phẩm/dụng cụ	Đơn vị	Số lượng cần đầu tư			Đơn giá dự kiến	Thành tiền dự kiến		
			Tổng từ 2026-2035	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2035		Tổng từ 2026-2035	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2035
1	Nhà gỗ ghép thanh, hỗ trợ vận động vui chơi cho trẻ	Bộ	1	1		18.500.000	18.500.000	18.500.000	
2	Nhà bóng trong nhà mini	Bộ	2	1	1	25.000.000	50.000.000	25.000.000	25.000.000
3	Ghế nhựa cho trẻ mầm non	Chiếc	60	40	20	95.000	5.700.000	3.800.000	1.900.000
4	Thú nhún ngoài trời, hỗ trợ vận động (sắt, sơn tĩnh điện)	Chiếc	15	10	5	1.650.000	24.750.000	16.500.000	8.250.000
5	Xích đu ngoài trời- 1 khoang, sắt sơn tĩnh điện	Chiếc	4	2	2	4.500.000	18.000.000	9.000.000	9.000.000
6	Xích đu ngoài trời- 2 khoang, sắt sơn tĩnh điện	Chiếc	4	2	2	1.150.000	4.600.000	2.300.000	2.300.000
7	Kệ gỗ đựng đồ dùng trị liệu	Chiếc	4	4		2.000.000	8.000.000	8.000.000	-
8	Bập bênh 4 chỗ	Chiếc	2	2		5.000.000	10.000.000	10.000.000	-
9	Ghế thăng bằng cảm giác	Chiếc	6	4	2	1.500.000	9.000.000	6.000.000	3.000.000
10	Bộ leo núi hình kim tự tháp	Chiếc	2	1	1	18.500.000	37.000.000	18.500.000	18.500.000
11	Thang leo 3 độ tuổi	Chiếc	2	1	1	3.500.000	7.000.000	3.500.000	3.500.000
12	Các đồ chơi giải trí phụ trợ (xếp hình, ghép chữ...)	Chiếc	100	50	50	100.000	10.000.000	5.000.000	5.000.000
13	Nhà nhún hình tròn	Cái	2	1	1	9.000.000	18.000.000	9.000.000	9.000.000
14	Đu quay 6 máy bay	Cái	2	1	1	8.500.000	17.000.000	8.500.000	8.500.000
15	Tủ locker 15 ngăn đựng đồ, sắt sơn tĩnh điện	Cái	4	4		2.000.000	8.000.000	8.000.000	-
16	Bàn, ghế tiếp khách	Bộ	3	3		10.000.000	30.000.000	30.000.000	-
17	Bàn, ghế làm việc	Bộ	15	15		5.000.000	75.000.000	75.000.000	-
18	Tủ đựng tài liệu	Cái	9	9		5.000.000	45.000.000	45.000.000	-
19	Bàn vi tính	Cái	15	15		1.500.000	22.500.000	22.500.000	-
20	Tivi	Cái	3	3		20.000.000	60.000.000	60.000.000	-
21	Sân đệm và công lắp đặt	Bộ	1	1		240.000.000	240.000.000	240.000.000	-
22	Trục lăn tập ngồi thăng bằng cho trẻ	Cái	12	6	6	1.000.000	12.000.000	6.000.000	6.000.000
23	Máy tập phản xạ	Cái	4	2	2	11.000.000	44.000.000	22.000.000	22.000.000
24	Máy tập phục hồi chức năng tay	Bộ	2	1	1	4.000.000	8.000.000	4.000.000	4.000.000
25	Xe mũi tên cho trẻ tập đi bại	Cái	6	3	3	1.500.000	9.000.000	4.500.000	4.500.000

STT	Sản phẩm/dụng cụ	Đơn vị	Số lượng cần đầu tư			Đơn giá dự kiến	Thành tiền dự kiến		
			Tổng từ 2026-2035	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2035		Tổng từ 2026-2035	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2035
26	Bộ 3 ghế ngồi đặc biệt dành cho trẻ khuyết tật	Bộ	2	1	1	9.000.000	18.000.000	9.000.000	9.000.000
27	Nón bảo vệ đầu trẻ bại não	Cái	10	5	5	150.000	1.500.000	750.000	750.000
28	Xe 3 bánh tập đi cho trẻ	Cái	10	5	5	500.000	5.000.000	2.500.000	2.500.000
29	Dụng cụ massage tăng cảm thụ bản hệ	Cái	4	2	2	4.500.000	18.000.000	9.000.000	9.000.000
30	Khung tập đi	Cái	8	4	4	450.000	3.600.000	1.800.000	1.800.000
31	Xe đạp mini Bike	Cái	6	3	3	2.400.000	14.400.000	7.200.000	7.200.000
32	Dụng cụ tập lưỡi cho trẻ	Cái	10	5	5	200.000	2.000.000	1.000.000	1.000.000
33	Bóng gai Yoga trị liệu	Cái	6	3	3	300.000	1.800.000	900.000	900.000
34	48 khối lập phương nổi số	Bộ	6	3	3	150.000	900.000	450.000	450.000
35	Bóng gai bán nguyệt luyện thăng bằng	Cái	6	3	3	900.000	5.400.000	2.700.000	2.700.000
36	Xâu hạt gỗ luyện vận động tinh	Bộ	10	5	5	150.000	1.500.000	750.000	750.000
Tổng							863.150.000	696.650.000	166.500.000